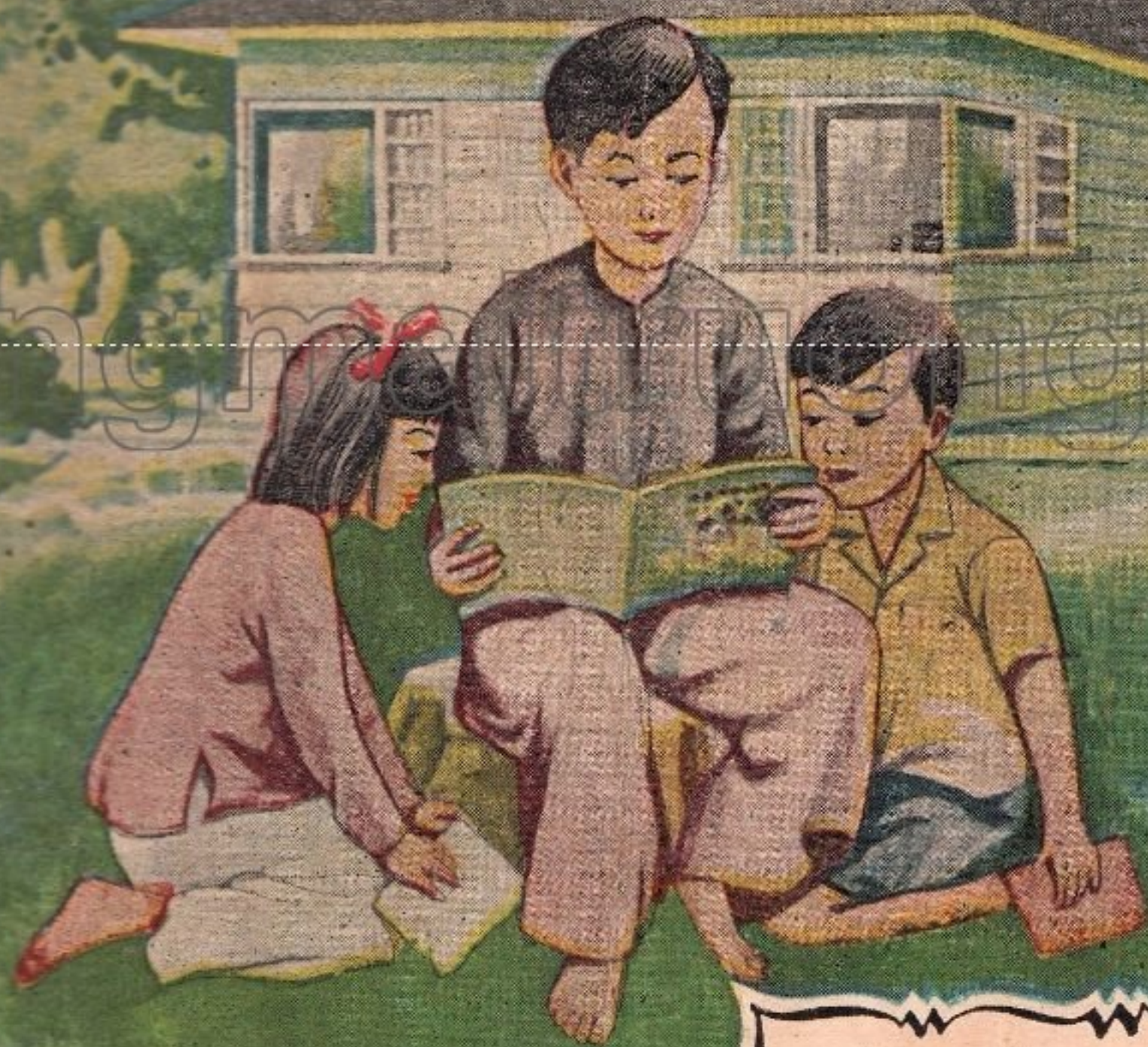


NGO CHI BINH

VĂN VIỆT-NGỮ



Của trò

Địa chỉ

LỜI SOẠN GIẢ



Thấy nước nhà đương hồi kiến-thiết và mở-mang nền văn hóa, nên tôi không nệ công-phu tìm-tòi ra quyển văn này, do sự thiết-hành có kết-quả, cốt-yếu lấy một giọng theo thứ-tự của mỗi Nguyên-Âm sắp với những Phụ-Âm đơn và Phụ-Âm kép để cho Đồng-Ấu và kẻ Sơ-Khai học-tập dễ đọc, khỏi bẻ miệng và mau nhớ.

Theo quyển sách này cũng đáng liệt vào loại Giáo-Khoa để giúp cho Đồng-Bào trong muôn một.

Vậy nhờ các Qui Độc-Giả, nếu gặp chỗ sai lầm xin miễn cho và chỉ-giáo.

SOẠN - GIẢ

NGOCHIBINH

Mỗi quyển đều có chữ
ký của soạn giả

L U U Ý



Với sự dạy dỗ Đồng-Ấu và những kẻ sơ-khai học-tập không nên vội. Cần nhứt phải để cho họ được thông-thả nhìn những nét của mỗi chữ cái LỚN (chữ Hoa) và chữ NHỎ (chữ thường); dạy họ đọc chậm-chậm cho thuộc đến khi hờ-ơ thấy chỉ chữ nào mà trả đáp ngay không do dự, ấy mới chắc là thuộc lâu, rồi sẽ dạy qua chữ khác.

Dạy như vậy, lần cho đến hết 29 chữ Cái, mới bước qua 5 Dấu và Nguyên-âm có dấu.

Sau khi học hết những Phụ-Âm kép thì phải ôn lại ban đầu nhiều lượt cho họ được quen miệng và nhuần mắt mới đến văn xuôi...



MẪU-TỰ

A

a

A

a

Ă

ă

Ă

ă

Â

â

Â

â

B

b

B

b

C

c

C

c

D

d

D

d

MÂU-TỰ

Đ

đ

D

d

E

e

E

e

Ê

ê

Ê

ê

G

g

G

g

H

h

H

h

I

i

I

i

MÃU - TỰ

Y

y

Y

y

K

k

K

k

L

l

L

l

M

m

M

m

N

n

N

n

O

o

O

o

MÃU-TỰ

Ô

ô

O

ô

Ơ

ơ

O

ơ

P

p

P

p

Q

q

Q

q

R

r

R

r

S

s

S

s

MÃU - TỰ

T

t

T

t

U

u

U

u

Ư

ư

Ư

ư

V

v

V

v

X

x

X

x

NĂM DẤU



sắc



huyền

nặng



hỏi



ngã

NGUYÊN-ÂM CÓ DẤU

á , à , a , ả , ã .

ơ , ơ , ơ , ơ , ơ .

ê , ê , ê , ê , ê .

í , í , í , í , í .

ý , ý , ý , ý , ý .

NGUYÊN-ÂM CỎ DẤU

ó , ò , ọ , ỏ , ỗ .

ô , ô , ô , ỏ , ỗ .

ó' , ó' , ọ' , ỏ' , ỗ' .

ú , ù , ụ , ủ , ử .

ú' , ù' , ụ' , ủ' , ử' .

PHỤ - ÂM KÉP

ch , gh , gi , kh ,

ng , nh , ph , qu ,

uon gmai tru ong xua . v

th , tr , ngh .



Văn Xuôi

huongmaitruongxua.vn

LƯU - Ý

Khi dạy học vần Xuôi, trước đánh vần từ chữ một. B . . A = BA rồi đọc lại một tiếng BA; với những Phụ-âm kép cũng vậy; CH . . A = CHA, đọc gộp lại CHA, v. v. Tới cuối bài rồi phải cho đọc lại:

BA, CA, CHA, GIA. . . để cho học trò đọc được trọn tiếng một dễ dễ ráp vần Xuôi có dấu tiếp theo sau . . .



LƯU - Ý

Muốn thực hành mau lẹ thì bắt đầu dạy bài 1, vần xuôi B A, trang 13.

Cho học từ chữ một, đọc A ngược lại B.. lập đi lập lại nhiều lần A-B A-B, B-A B-A cho quen miệng rồi đọc luôn một tiếng B-A - BA, C-A CA, CH-A - CHA, GI-A GIA, v.v...

Khi đọc được suốt bài này sẽ chỉ cho biết qua năm dấu, trang 8, rồi mới dạy tiếp « Ráp vần đôi có dấu ».

Tới vần E-Ê-I-O cũng y như vậy...

Thừa dịp rảnh sẽ cho học ôn và đọc những bản Mẫu-Tự, Nguyên-Âm và Phụ-Âm kép ở trước để nhớ thứ tự của mỗi chữ theo qui-tắc cổ-truyền, chớ trong bài đã học có đủ A. B. C. D. không thiếu.

Về lối viết, nếu muốn thực hành một lược theo mỗi chữ đang học, thì học trò phải dùng phấn và bảng đá.

Thí dụ : 1^o) Chữ A : Trên bảng đen, thầy chấm một điểm, miệng phải nói cho học trò làm y theo : « kéo vòng xuống về bên tay trái (((, đẩy vòng lên bên mặt cho tới giáp O O O... (tập nhiều lần như vậy, học trò được quen tay rồi sẽ tiếp thêm), « bắt từ trên, bên hông mặt vòng O kéo ngay xuống A A A, đưa lên nhẹ A A là chữ A.

2^o) Về chữ B : Bắt từ phía dưới tay trái đẩy xiên lên phía tay mặt / / / , kéo nhẹ về tay trái > > > , kéo ngay xuống > > > , đưa lên một chút > > > , kéo ngang ra nhẹ > > > . Khi tập viết được nhuần tay sẽ ráp lại > a

Với năm dấu > \ . 1 ~, cũng phải cần tập, nhắc luôn luôn

Áp dụng phương-pháp trên đây cho học trò tập học và viết mau nhớ, ngoài ra, phải cần đến tập-đồ để viết cho đúng phép.

VẦN XUÔI

Bài thứ 1

Giọng **A**

B a , c a , d a , đ a , g a ,

h a , l a , m a , n a , r a ,

s a , t a , v a , x a ,

ch a , gi a , kh a , ng a , nh a ,

ph a , qu a , th a .

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Bà cả , cà - rá , chà - và , má ta ,

mả đá , xa nhà , lá mạ , cá tra ,

khá - giả , quả trà , ngã ba , bà xã .

VẦN XUÔI

Bài thứ 2

Giọng **E**

B e , d e , đ e , h e , k e ,

l e , m e , n e , r e , s e ,

t e , v e , x e ,

ch e , gh e , gi e , kh e , nh e ,

ph e , qu e , th e , tr e , ngh e

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

tôi ngày kia nói

Bè tre , mẽ ghè , mẹ ghẻ , kè - nhè

lé - dé , le - the , se - sẻ , vè xe

lẻ - tè , khe khể , nhè nhẹ , e - dè

dễ dặt

VẦN XUÔI

Bài thứ 3

Giọng **Ê**

B ê , d ê , đ ê , h ê , k ê ,
l ê , m ê , n ê , r ê , s ê ,
t ê , v ê , x ê ,
ch ê , gh ê , gi ê , kh ê , nh ê ,
ph ê , qu ê , th ê , tr ê , ngh ê .

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Bê - trê , tế - lễ , ghê - kê , bề - thể ,
ê - hề , ể - nhệ , kê - lễ , khê - nghê ,
vê - quê , thể - lệ , bệ - vệ , nhệ - nhệ .

VẦN XUÔI

Bài thứ 4

Giọng **i**

B i , d i , đ i , g i , h i ,
k i , l i , m i , n i , r i ,
s i , t i , v i , x i ,
Ch i , gh i , kh i , nh i , ph i ,
qu i , th i , tr i , ngh i ,

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Dì m i , đi nghi , thi - sĩ , đi thi ,
chỉ - thi , trí - trí , phỉ chí , phỉ - mĩ ,
quí - phi , trị vị , tử - mĩ , trị - chí ,

VẦN XUÔI

Bài thứ 5

Giọng Y

H_y , k_y , l_y , m_y , n_y ,
t_y , qu_y .

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Y - sĩ , phi - lý , di - kỳ , lý - trí ,
ý - thị , ý - vị , nghi - ky , ý - chỉ ,
chí - lý , tri - kỷ , tỳ - vị , tỷ - thí .

BÀI TẬP ĐỌC

(câu rời)

Ba ta ra ga . Má ta

ở nhà . Chị phá bị la .

Bà cả quá già . Cha mẹ

đi xa . Bà Ba bị ghẻ

Khế nghệ rẻ rề . Xe đ

về trễ . Lễ - mễ mà chi .

Chị mi quá ý .

VẦN XUÔI

Bài thứ 6

Giọng ○

B o , c o , d o , đ o , g o ,
h o ; l o , m o , n o , r o ,
s o , t o , v o , x o ,
ch o , gi o , kh o , ng o , nh o ,
ph o , qu o , th o , tr o .

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Bò ^陽chó ^陽 , tò - mò ^提 , gõ ^提mỗ , vò - vò ⁺ ,
trò ^陽nhỏ ^陽 , gió ^陽to ^陽 , tỏ ^陽rõ ^陽 , họ ^陽Võ ^陽 ,
xó - ró ^陽 , bó - rọ ^陽 , bỏ ^陽xó ^陽 , so ^陽đo ^陽 ⁺ .

tạo ra bị thấy bỏ xó

VẦN XUÔI

Bài thứ 7

Giọng **Ô**

B ô , c ô , d ô , đ ô , g ô
h ô , l ô , m ô , n ô , r ô
s ô , t ô , v ô , x ô ,
ch ô , gi ô , kh ô , ng ô , nh ô
ph ô , th ô , tr ô .

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Cổ - thô , đồ - sộ , vô - số , Hộ - bộ
(thô - mộ) , rô - ngô , thô - lồ , thô - lộ
mô - hồ , trô - trở , cô - lồ , cô - đồ

VẦN XUÔI

Bài thứ 8

Giọng Ơ

B ơ , c ơ , d ơ , đ ơ , g ơ ,
h ơ , l ơ , m ơ , n ơ , r ơ ,
s ơ , t ơ , v ơ , x ơ ,
ch ơ , gi ơ , kh ơ , ng ơ , nh ơ , v
ph ơ , qu ơ , th ơ , tr ơ .

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Hơ-co^{乘机} , bơ-thơ^{về mặt -- 頤養} , (xơ-rơ^{duang -- 逢宿}) , chơ-giơ^(徘徊) ,
lờ-khờ , ở dơ , bợ-đỡ^{翁證} , thờ-ơ^{冷落} ,
bợ-ngợ^{(拘束) 羈絆} , lờ-dờ^{中断 半途} , lờ-dờ^{遲慢} , (vợ-bợ)

VẦN XUÔI

Bài thứ 9

Giọng U

B u , c u , d u , đ u , g u ,
h u , l u , m u , n u , r u ,
s u , t u , v u , x u ,
ch u , gi u , kh u , ng u , nh u ,
ph u , th u , tr u .

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Cú- rữ , đu- đủ , tu- hú , vũ- trụ
lù- khù , lú- mú , sù- sù , rù- rù
ru ngu , phù- chú , du- thủ , phù- du

VẦN XUÔI

Bài thứ 10

Giọng Ơ

B ư , c ư , d ư , đ ư , h ư

l ư , m ư , n ư , r ư , s ư

t ư , x ư ,

ch ư , gi ư , kh ư , ng ư , nh ư

th ư , tr ư

VẦN ĐÔI CÓ DẤU

Sư - tử , thư - từ , thứ - tự , tư - lư

từ - tử , lữ - dũ , trừ - khử , thứ - sử

xử - sự , xử - nữ , tứ - xứ , tứ thư

BÀI TẬP ĐỌC 2

(câu rời)

Trò nhỏ đi thi . Chú mi

khó ở . Hũ mớ dề dờ .

Nhà thơ xa chợ . Nhà mợ

có lư . Nhà sư gõ mõ

Nó bỏ nhà hư . Ta bư

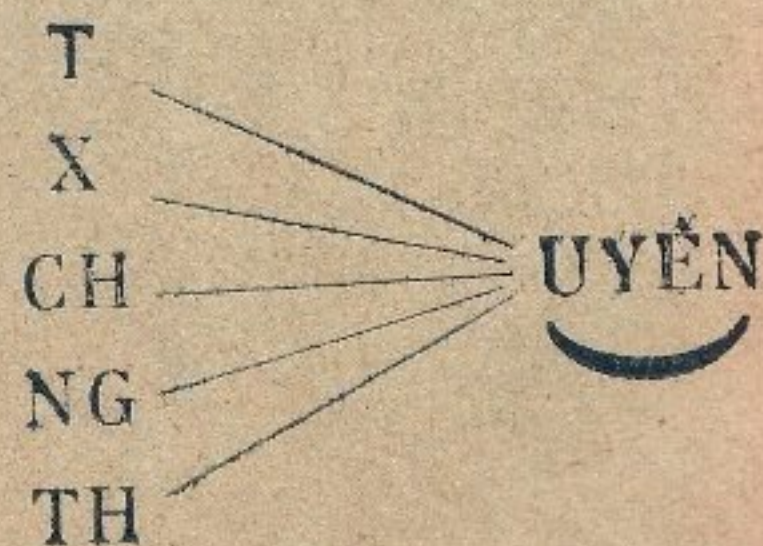
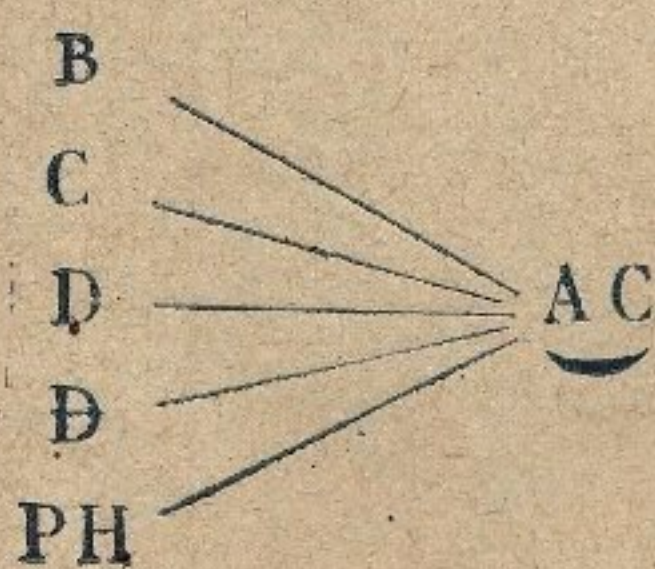
bị quở . Bà tư đi chợ .

Chó dữ giữ nhà .

Vần Ngược

LỜI THÊM VỀ PHƯƠNG THỰC-HÀNH VẦN-NGƯỢC

Khi ráp Vần-Ngược về mỗi giọng như : AC, ACH, UYỀN,
nên cho trẻ em nhiều thí dụ bằng cách thêm nhiều phụ-âm
đơn và kép trước những giọng ấy :



LƯU - Ý

Qua đến vần Ngược, muốn đọc cho khỏi trại bẻ và sẽ viết trùng chữ, thì trước phải đánh vần những chữ Nguyên - Âm rồi sau mới ráp lại với chữ Phụ - Âm Đơn hoặc Kép.

Thí-dụ chữ BÁC, đánh vần A...C, đọc lại một tiếng AC, rồi sẽ ráp với phụ-âm B...ÁC = BÁC;

với chữ BÁCH, đánh vần A...CH, đọc lại một tiếng ACH, ráp với phụ-âm B...ÁCH = BÁCH; chữ

KHUYÊN cũng vậy U...Y...Ê...N, đọc lại một tiếng UYÊN, ráp với phụ-âm kép KH...UYÊN =

KHUYÊN. v. v. Đọc lại từ tiếng một BÁC, BÁCH, KHUYÊN.



VẦN NGƯỢC

Bài thứ 1

Giọng **A**

A c b ac , a i c ai , a y t ay ,
a m l am , a n n an , a o s ao ,
a p x ap , at v at , a u r au ,
ach b ach , ang m ang , anh d anh .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Bác Hai tát tai cái bách . Tay
lạm hàm nhai . Ta có hai mạnh
áo rách . Bàn ghế phải lau cho
sạch . Cái ao ở sau lò gạch

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 2

Giọng **Ả**

Ảc tr **ắc** , **ă**m th **ăm** , **ăn** kh **ăn**

ăp ch **ăp** , **ắt** gi **ắt** , **ăng** qu **ăng**

RÁP VẦN CÓ DẤU

M^ˆắ^ˆt ta có hai mắ^ˆt Trò Sắ^ˆc

ắ^ˆn mắ^ˆc sach - sế^ˆ . Mắ^ˆng tre bán

đắ^ˆt . Da ta thắ^ˆc - mắ^ˆc . Khắ^ˆn trắ^ˆng

nắ^ˆng giắ^ˆt . Gắ^ˆp mắ^ˆt bắt tay

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 3

Giọng **Â**

Â c n âc , â y qu ây , â m c âm ,
â n tr ân , â p x âp , â u th âu ,
â t t ât , â ng kh âng.

RÁP VẦN CÓ DẤU

Lắc - khắc trậ nắc thang. Làm sang
hay lắ xắ. Đi dâu chớ lậ dậ.
Mâm cây đâ y lễ - vật. Thấy tu
ân - cần khấn Phật. Ở gần phải
cần thân - mật.

BÀI TẬP ĐỌC 3

(câu rời)

Đầu có mặt , hai tai , hai mắt .

Thân có hai chân và hai tay .

Làm trai tập có chí hay. Ráng

sao cho dặng thành tài. Ra dặng

phải càng cần - thận. Chớ lẫn-quần

ở gần mé rách. Áo quần năng giặt

cho sạch. Chớ chê nhà tranh vách

đất. Tập tánh ở ăn cho ngay thật.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 4

Giọng E

E c m ec , e m nh em , e n kh en ,
e o th eo , e p ph ep , e t tr et ,
e ng k eng .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Heo la eng - éc. Kẻ đau tái
mét. Nấu cháo khét - nghet. Chớ
say be - bet. Mỏ mép têm - lem. Ăn
nem thêm chả. Chớ treo mèo
đây.

隨機应变

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 5

Giọng Ê

Ê c ch êc , ê m th êm , ê n qu ên ,
ê p x êp , ê u kh êu , ê t ph êt ,
ê nh ngh ênh .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Nhỏ tập cho nên nét. Một đi
lết - bết . Éch kêu quên - quết .
Bộ - tịch nghênh - ngang. Xác nằm
lênh - nghênh. Thấp đèn phải kêu.
Cắm nêu ăn tết.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 6

Giọng **i**

i a n ia , i m k im , i n x in ,
i p b ip , i u r iu , i t m it ,
i ch t ich , i nh m inh .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Trò kia đá cá thia - thia. Mộ
bia đề làm dẫu - tích. Mủ mít
đinh rít chít. Gánh thịt đi nghe
phình - phịch. Trẻ thơ liu - chiu lít - chít.
Em nhỏ hay tinh - nghịch.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 7

Giọng **i**

i ê c b iêc , i ê m l iêm , i ê n v iên ,
i ê p d iêp , i ê u x iêu , i ê t t iết ,
i ê ng kh iêng .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Hiếu - thảo vi tiên. Tánh hiền hay
kiên nhẫn. Nhỏ làm việc cho siêng.
Chú ghien hay làm biếng. Thẳng liền
chẳng ai khen. Tập cho quen điều
liêm - tiết.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 8

Giọng **Y**

Ym , yêm , yê n , yê u , yê t ,
yê ng .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Thầy tu hay yêm - thê . Yên - nhân
là tiểu thân - tiên Vê - sanh cần
yến ^陽sáng . Thân yếu phải giữ
cho yên . Bình yê t - hầu rất ^{危險}ngặt .
Cây phát nhờ chỗ đất ym .

BÀI TẬP ĐỌC 4

(câu ròi)

Tập viết cho có nét. Chớ ghét

kẻ nghèo. Phải giữ theo lễ - phép.

Biết yêu cha mẹ. Ở cho hiếu

thảo. Thờ kính tổ - tiên. Tập tánh

hiền - lành. Anh em trêu - mếu. Nghe

nhau dạy bảo. Thiên - hạ kính vì

Chẳng nên ích - kỷ. Sợ kẻ khinh -

khi.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 9

Giọng **O**

O a th oa , o c m oc , o e kh oe

o i c oi , o m kh om , o n ng on

o p c op , o t ch ot , o ng n ong

nuongmaitruongxua.v

RÁP VẦN CÓ DẤU

Hoa m_oc g_oc h_e. Ch_ot-v_ot n_ong t_{re}.

Kh_oi t_oa c_a n_ha. L_om-k_hom c_om c_o.

L_ong nh_ong n_ong l_ong. Th_ân c_om

m_a c_op.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 10

Giọng **O** (tiếp theo)

O_ac ch_oac , o_ai ng_oai , o_ay
x_oay , o_am ng_oam , o_an kh_oan
o_ao ng_oao , o_ap ng_oap o_at
th_oat , o_ang ch_oang , o_anh kh_oanh

RÁP VẦN CÓ DẤU

Ti_êng g_a l_a ch_oác. B_ông_ô ác x_oay v_àn.
Lo_anh_o-qu_anh trê_n kho_ảnh đ_ất. Kho_ảc
áo ch_oàng ngo_ài. Ch_ó to_àn ngo_àm th_ịt.
M_êo k_êu ngo_ào-ng_oao.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 11

Giọng **O** (tiếp theo)

O ă c ng oăc , o ă m kh oăm , o ă n
kh oăn , o ă t ch oăt , o ă ng th oăng
o e n kh oen , o e t kh oet .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Khoét lỗ xỏ khoen. Nẻo đi ngoắt
ngoéo. Tập viết ngoăn - ngoèo.
Ngày qua thoăn - thoắt. Trẻ
con nói hoặc. Băn - khoăn,
liễn - thoăng.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 12

Giọng **Ô**

Ôc b **ô**c , **ô**i n **ô**i , **ô**m t **ô**m ,
ôn th **ô**n , **ô**p x **ô**p , **ô**t t **ô**t ,
ông s **ô**ng .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Đồ dốt làm bốc - hốt. Con
công lông tốt. Cây vông xộp - xộp.
Râu tằm chôm - chôm. Tôi ngồi
chôm - hôm. Đêm hôm lập - lờ
đôm - dôm.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 13

Giọng

Ơ

Ơ i m ơ i , ơ m c ơ m , ơ n h ơ n
ơ p ch ơ p , ơ u ng ơ u , ơ t th ơ t

RÁP VẦN CÓ DẤU

S ơ m m ơ i đ i ch ơ i . P h ơ i r ơ m
n ầ u c ơ m . Đ i l ơ n - t ơ n , ch ạy
c ầ r ồ n . T ấ m th ọt nh ọt - nh ọt .
L ổ i đ i t r ơ n t r ọt . M ây b ạy , t r ờ i
ch ộp . Ớ t kh ô n át ng ầu .

BÀI TẬP ĐỌC 5

(câu ròi)

Ông bà là gốc cội. Con cháu
như nhánh chồi. Mẹ cha bằng
trời biển. Ơn nghĩa chớ quên.

Chẳng nên chơi giỡn. Làm con
chí - hiếu. Nhỏ lo học - tập. Lớn
mới thành thân. Con khá ân - cần.

Ngày giờ thắm - thoát. Chớ có
lôi thôi. Nó không chờ đợi.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 14

Giọng **U**

U a t ua , u c l uc , u ê x uê , u i r ui
u y t uy , u m s um , u n h un , u p
n up , u t c ut , u ng c ung , u ây kh uây

RÁP VẦN CÓ DẤU

Lúc - thúc lưc - đưc . Khi hút thiếu
hút . Lùm bụi lúp - xúp . Nhà tranh
sùm - sụp . Cúc - cung tận - tụy .
Khuây - khóa cơn sâu . Khua môi
múa mỏ .

bụi lúp xúp 沙塵 沙塵
Khua. thông 敲 搗
cửa

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 15

Giọng **U** (tiếp theo)

U ân th uân , u ât tr uât , u âng kh uâng
u êch t uêch , u ênh h uênh , u y a
kh uya , u y t ng uyt , u y nh kh uynh

RÁP VẦN CÓ DẤU

Thuần - phong mỹ - tục. Trông đợi
bâng - khuâng. Đa buồn ái - truất.
Trong lòng rộng - tuếch. Quyền
huynh thể phụ. Sớm khuya
kinh - sử. Quyết chí thành thân.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 16

Giọng **U** (tiếp theo)

U y ên ch uyên , u y êt th uyêt , u ô c
c uộc , u ô i n uôi , u ô m b uôm , u ô n
l uôn , u ô t ch uôt , u ô ng x uông.

RÁP VĂN CÓ DẤU

Đau cần uông thuộc. Chơ nghe
lời trau chuốt. Cây suôn duôn.
đuôt. Mắt may lem luốt. Lêu-lông
luông tuông. Thuận buồm xuôi
gió. Chân ngõ đón truông.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 17

Giọng **Ư**

Ư a m ưa , ư c s ư c , ư i n g ư i ,
ư u h ư u , ư n g x ư n g , ư ơ c b ư ơ c ,
ư ơ i t ư ơ i , ư ơ m l ư ơ m .

RÁP VẦN CÓ DẤU

Chớ đoạt của người. Vật rơi đừng
lượm. Giữ-gìn sức khỏe. Bước đi
chậm - rãi. Lời dạy phải vững.
Nết xấu nên chừa. Xin đừng
chúng - chường.

VẦN NGƯỢC

Bài thứ 18

Giọng **Ư** (tiếp theo)

Ư ơ n s ươn , ư ơ p c ươp , ư ơ t l ươt
ư t n ưt , ư ơ u h ươu , ư ơ ng g ương

RÁP VẦN CÓ DẤU

Thuyền mươn lái mươn. Trộm
cướp nên ngừa. Bắt chước gương
xưa. Dịu - dàng tha - thướt. Áo
dài lướt - buột. Nỗi buồn bút - rút.
Nước mưa ướt - rướt.

BÀI TẬP ĐỌC 6

(câu rời)

Con thảo chịu-lụy mẹ cha. Lúc
buồn làm cho khuây-khỏa Xa
nhà lòng đã ái-truất. Ngắm cảnh
dạ lại băng-khuâng. Kẻ không
học trong lòng rỗng-tuếch.
Thương-mãi cần phải khuếch-
trương. Người xưa ưa đều chất-
phác. Ở đời phải giữa lưng-gạt
Học-hành đừng cho dốt-nát.